ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU CÔNG NGHIỆP MỸ XUÂN B1-CONAC

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

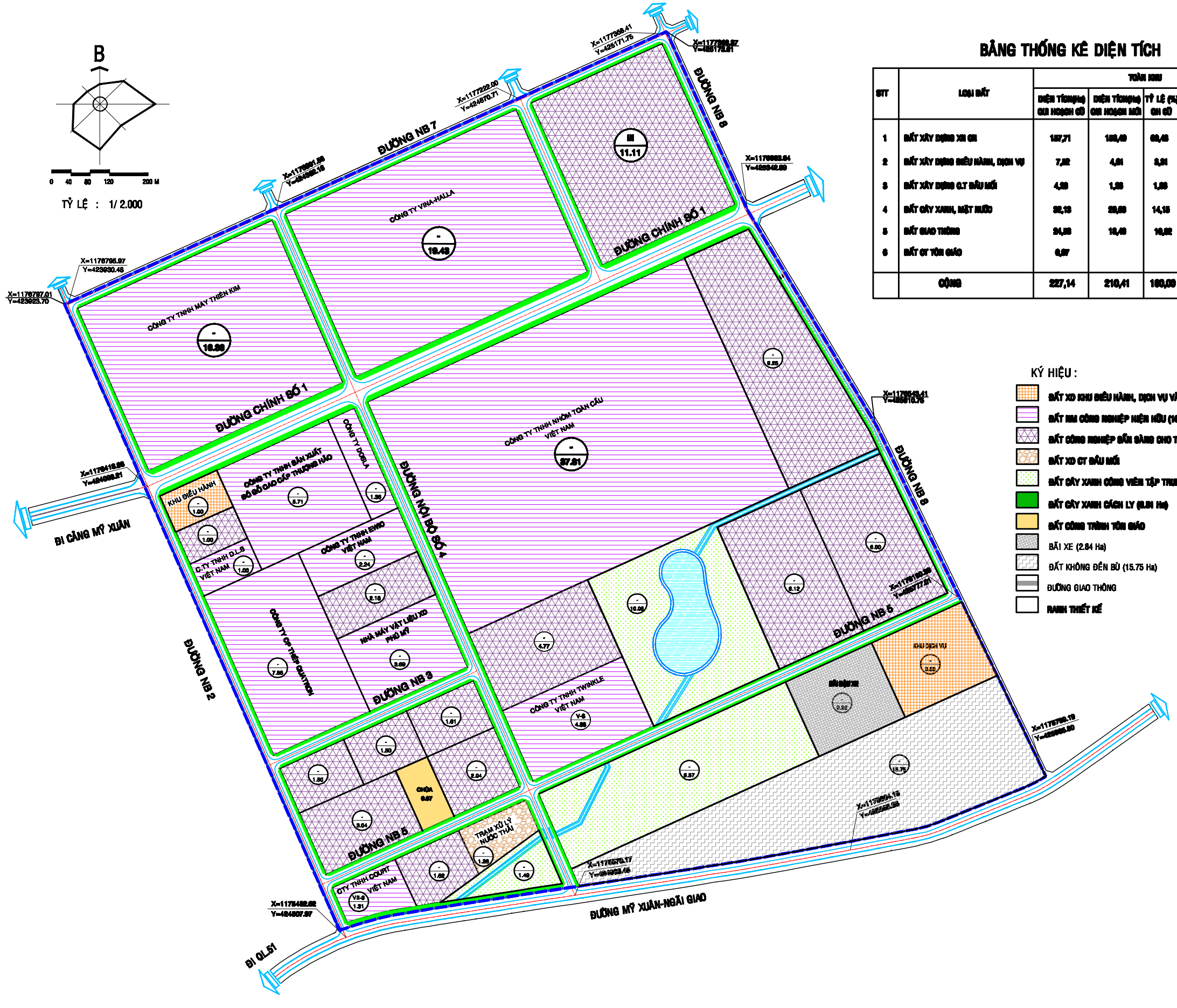

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH

STT	LOẠI ĐẤT	TOÀN KHU				
		DIỆN TÍCH(ha) QH HOẠCH CŨ	DIỆN TÍCH(ha) QH HOẠCH MỚI	TỶ LỆ (%) QH CŨ	TỶ LỆ (%) QH MỚI	T.C(%)
1	ĐẤT XÂY DỰNG XN CN	157,71	156,49	69,48	74,57	≥55
2	ĐẤT XÂY DỰNG ĐIỀU HÀNH, DỊCH VỤ	7,22	4,61	3,31	2,19	≥1
3	ĐẤT XÂY DỰNG C.T ĐẦU MỐI	4,59	1,55	1,85	0,61	≥1
4	ĐẤT CÂY XANH, MẶT NƯỚC	32,13	29,69	14,15	14,09	≥10
5	ĐẤT GIAO THÔNG	24,85	16,49	10,92	8,75	≥8
6	ĐẤT CT TÔN GIÁO	0,57				
	CỘNG	227,14	210,41	100,00	100,00	

KÝ HIỆU :

- ĐẤT XD KHU ĐIỀU HÀNH, DỊCH VỤ VÀ NHÀ Ở CÔNG NHÂN
- ĐẤT KH CÔNG NGHIỆP HIỆN HỮU (101.49 Ha)
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP SẴN SÀNG CHO THUÊ (55.01 Ha)
- ĐẤT XD CT ĐẦU MỐI
- ĐẤT CÂY XANH CÔNG VIÊN TẬP TRUNG (21.12 Ha)
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY (8.31 Ha)
- ĐẤT CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO
- BÃI XE (2.84 Ha)
- ĐẤT KHÔNG ĐỀN BÙ (15.75 Ha)
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- RANH THIẾT KẾ